

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 117/2026/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Y T**, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số 062191003752, cấp ngày 27/12/2021.

Địa chỉ: **Thôn L, xã D, tỉnh Quảng Ngãi.**

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức C**, sinh năm 1992.

Căn cước công dân số 052092012489, cấp ngày 12/7/2021.

Địa chỉ: **Thôn L, xã D, tỉnh Quảng Ngãi.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Y T** và anh **Nguyễn Đức C**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Y T** và anh **Nguyễn Đức C** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cho chị **Y T** có trách nhiệm trực tiếp nuôi con **Y Nguyễn Thị Quỳnh T1**, sinh ngày 04/6/2012 đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được.

Về cấp dưỡng: Anh **Nguyễn Đức C** cấp dưỡng nuôi con **Y Nguyễn Thị Quỳnh T1**, sinh ngày 04/6/2012 mỗi tháng 500.000đ/1tháng đến khi con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động và tự lập được.

Thời gian cấp bắt đầu từ tháng 8/2026.(Vào ngày 20 hàng tháng).

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để làm cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí ly hôn sơ thẩm mỗi người phải chịu 75.000đ:

Căn cứ Điều 144 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 7 Điều 26; Điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Là 150.000đ, mỗi người phải nộp 75.000đ. Chị **Y T** nhận nộp thay tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh **Nguyễn Đức C** và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000đ, chị **Y T** nhận thay cho anh **Nguyễn Đức C**. Nhưng được trừ từ số tiền 300.000 đồng chị **Y T** đã nộp tạm ứng tiền án phí. Theo biên lai số 0000024, ngày 01/7/2026 tại thi hành án dân sự khu vực 11 – Quảng Ngãi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11-Quảng Ngãi
- UBND nơi đăng ký;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 11-Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Ngô Đình Tài

